

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ – ST.

Ngày: 06-01-2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Mộng Tuyền.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Thảo.**

2. Bà **Nguyễn Thuỳ Linh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Điêu Khắc Khanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Xa** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Thái Thị K** - sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Trần Thiện T** - sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, xét xử nguyên đơn Thái Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Thiện T do quen biết và được gia đình chấp thuận nên ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân từ năm 2013, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng do bận việc gia đình nên đến nay bà và ông T vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do tính tình không phù hợp, thường xảy ra bất đồng quan

điểm trong cuộc sống cũng như trong sinh hoạt, ông T thường xuyên ra ngoài nhậu nhẹt không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi nhau. Nhận thấy, hôn nhân của vợ chồng không đạt được hạnh phúc nên bà đã về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ tháng 06 năm 2015 cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân và bà ông T cũng không tìm ra giải pháp gì hữu hiệu để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Thiện T trình bày: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Thái Thị K về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ông cũng thống nhất như bà K trình bày. Tuy nhiên, nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự rạn nứt tình cảm vợ chồng xuất phát từ hoàn cảnh giữa hai bên gia đình không có tiếng nói chung đã dẫn đến sự bất hòa giữa vợ chồng. Nay qua yêu cầu ly hôn của bà K thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà K. Đồng thời, do bận công việc gia đình nên ông T xin được xét xử vắng mặt, ông cam kết không khiếu nại gì về sau.

Về con chung: Bà K và ông T thống nhất có 01 (một) con chung tên Trần Thị Hải Y - sinh ngày 07/6/2014 hiện do bà K đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao con chung cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà K có khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông T thống nhất xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ đến các đương sự về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đồng thời lập biên bản đối chất về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo quy định của pháp luật và tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Thái Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, không bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Thái Thị K và ông Trần Thiện T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Hải Y - sinh ngày 07/6/2014 cho bà K được quyền nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (*đủ 18 tuổi*), ông T không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà K, vì bà K có khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung và về nợ chung: không đề cập giải quyết.
- Về án phí: Bà Thái Thị K phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Thiện T có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Thái Thị K yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thiện T. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Thiện T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] *Về hôn nhân*: Bà Thái Thị K và ông Trần Thiện T bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 2013 trên tinh thần tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Đến tháng 06 năm 2015 thì ông bà sống ly thân cho đến nay không hàn gắn được tình cảm. Nay bà K yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống thì ông T cũng đồng ý ly hôn với bà K. Xét, bà K và ông T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng bà K, ông T không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà K yêu cầu xin ly hôn với ông T là không có cơ sở, mà áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông, bà là vợ chồng.

[3.2] *Về con chung*: Bà K và ông T chung sống có 01 (một) con chung tên Trần Thị Hải Y – sinh ngày 07/6/2014. Khi ly hôn, bà K và ông T thống nhất giao con chung cháu Y cho bà K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không vi phạm pháp luật và cũng không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, vấn đề cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con chung, không phân biệt người nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tại phiên tòa, bà K cho rằng bà có khả năng nuôi con, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà K, ông T xác định không có và không đặt vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà K phải nộp theo quy định pháp luật.

[4] Xét, đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên bố:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Thái Thị K và ông Trần Thiện T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Hải Y - sinh ngày 07/6/2014 cho bà K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Thiện T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Thái Thị K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trần Thiện T trong việc thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thái Thị K phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 012598 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (*công nhận bà K đã nộp xong*).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Chi Cục THA DS Q. Thốt Nốt;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền